

Phụ lục I

CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp 4200486169 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2011 và đăng ký thay đổi lần thứ 13, ngày 13 tháng 01 năm 2025.

- Giấy chứng nhận đầu tư 37121000147 do UBND tỉnh Khánh Hòa cấp, đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 06 năm 2009.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN: CT-00827 ngày 11/5/2011.

- Quyết định số 2504/QĐ-UBND ngày 23/10/2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt điều chỉnh Chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và Đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn 2021-2025 của Tổng công ty Khánh Việt gửi đến Tổng công ty Khánh Việt vào ngày 06/11/2023.

- Quyết định số 915/QĐ-UBND ngày 28/04/2009 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 Cụm Công nghiệp và Chăn nuôi Khatoco - Ninh Ích

- Quyết định số 2544/QĐ-UBND ngày 29/08/2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) Cụm Công nghiệp và Chăn nuôi Khatoco – Ninh Ích.

- Quyết định số 168/QĐ-HĐTV ngày 20/12/2023 của Tổng Công ty Khánh Việt về việc ban hành Kế hoạch đầu tư phát triển Tổng công ty Khánh Việt năm 2024.

- Quyết định số 216/QĐ-HĐTV ngày 24/09/2024 của Tổng Công ty Khánh Việt về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 750 m³/ngày đêm và Hệ thống quan trắc nước thải tự động cho Cụm Công nghiệp và Chăn nuôi Khatoco Ninh Ích (Giai đoạn 1).

- Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 17/03/2010 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Cụm Công nghiệp và Chăn nuôi Khatoco Ninh Ích, quy mô 35,58 ha” tại xã Ninh Ích, huyện Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 4200486169

Đăng ký lần đầu: ngày 05 tháng 01 năm 2011

Đăng ký thay đổi lần thứ: 14, ngày 22 tháng 07 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: **TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **KHANH VIET CORPORATION LIMITED**

Tên công ty viết tắt: **KHATOCO**

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 118 Hùng Vương, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại: *058 3526790 - 352557*

Số Fax: *058 3524221 - 352380*

Thư điện tử: *khanhviet@khatoco.com*

Website: *www.khatoco.com*

3. Vốn điều lệ : 2.366.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai nghìn ba trăm sáu mươi sáu tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

Địa chỉ trụ sở chính: **Số 01 Trần Phú, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam**

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: **LÊ QUỐC THÀNH**

Giới tính: *Nam*

Ngày, tháng, năm sinh: *11/11/1980*

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân : *056080008222*

Chức danh: **Chủ tịch hội đồng thành viên**

Địa chỉ liên lạc: **603 Lê Hồng Phong, Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam**

* Họ, chữ đệm và tên: TRẦN MINH QUANG

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 11/08/1978

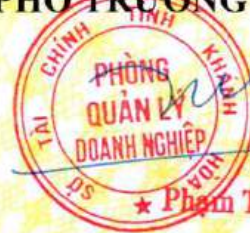
Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân : 056078010491

Chức danh: Tổng giám đốc

Địa chỉ liên lạc: 46 Bắc Sơn, Tổ 6, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



★ Phạm Thị Phương Thảo



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ

Số: 37121000147

Chứng nhận lần đầu: ngày 15 tháng 6 năm 2009

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2007 quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số . **968** /SKHĐT-HTĐT ngày . **03** tháng **6** năm 2009, và văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư kèm hồ sơ dự án đầu tư Dự án Cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp và chăn nuôi Khatoco – Ninh Ích của Tổng Công ty Khánh Việt nộp ngày 18 tháng 5 năm 2009,

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Chứng nhận:

Tổng Công ty Khánh Việt được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3706000007 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 07/01/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 07/01/2008.

Người đại diện pháp luật của Công ty:

- Họ tên: Bà Nguyễn Thị Tường Anh

- Sinh ngày: 13/4/1960; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam.

- Chứng minh nhân dân số: 225081440 do Công an tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 10/7/2002.

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 154 đường Mê Linh, phường Tân Lập, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà.

- Chỗ ở hiện tại: 154 đường Mê Linh, phường Tân Lập, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà.

- Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau:



Điều 1.

Tên dự án đầu tư: **CƠ SỞ HẠ TẦNG CỤM CÔNG NGHIỆP VÀ CHĂN NUÔI KHATOCO – NINH ÍCH.**

Điều 2.

Mục tiêu của dự án: Đầu tư xây dựng Cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp và chăn nuôi Khatoco – Ninh Ích để phục vụ cho việc di dời Trại cá sấu Yang Bay và quy hoạch xây dựng các nhà máy giết mổ, thuộc da, chế biến sản phẩm từ đà điểu, cá sấu nhằm phát triển quy mô và nâng cao hiệu quả lĩnh vực chăn nuôi - chế biến của Tổng Công ty trong thời gian tới.

Qui mô của dự án: Tổng diện tích đất quy hoạch Cụm công nghiệp và chăn nuôi Khatoco – Ninh Ích là 355.800 m² được xây dựng hạ tầng hoàn chỉnh, gồm: san nền, đường giao thông, thoát nước mưa, thoát nước bẩn, cấp điện, cấp nước và cây xanh..

Điều 3.

Địa điểm thực hiện dự án: thôn Tân Phú, xã Ninh Ích, huyện Ninh Hoà, tỉnh Khánh Hoà.

Diện tích đất dự kiến sử dụng: khoảng 35,58 ha.

Điều 4.

Vốn đầu tư dự kiến để thực hiện dự án: 72.055.159.000 đồng.

Vốn góp để thực hiện dự án: Vốn đầu tư phát triển của Tổng Công ty Khánh Việt.

Điều 5.

Thời hạn thực hiện dự án là 40 (bốn mươi) năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

Điều 6.

Tiến độ thực hiện dự án:

- Thời gian thực hiện các thủ tục đầu tư xây dựng công trình đến khi cấp phép xây dựng là 03 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.
- Thời gian thi công hoàn thành công trình đưa vào sử dụng: tháng 01 năm 2011.

Điều 7.

Các ưu đãi đầu tư đối với dự án:

- Ưu đãi về miễn tiền thuê đất: căn cứ theo quy định tại Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước, dự án được miễn tiền thuê đất như sau:

+ Được miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt, theo quy định của pháp luật.



+ Được miễn 07 năm kể từ ngày xây dựng hoàn thành đưa dự án vào hoạt động.

- Ưu đãi về thuế Thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp;

- Ưu đãi miễn thuế nhập khẩu theo quy định tại Nghị định số 149/2005/NĐ-CP ngày 06/12/2005 quy định chi tiết thi hành Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu.

Điều 8.

Nhà đầu tư lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 9.

Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đầu tư, Nhà đầu tư liên hệ với Cục thuế tỉnh Khánh Hòa để được hướng dẫn thực hiện các nội dung ưu đãi đầu tư theo quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư.

Điều 10.

Giấy chứng nhận đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc, một bản cấp cho nhà đầu tư, một bản đăng ký tại Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Chiến Thắng

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

Chuyển hình thức sử dụng từ thuê đất trả tiền hàng năm sang
thuê đất trả tiền một lần từ ngày 04/3/2016, theo hồ sơ số
000984.TG.003./.

Ngày 25/7/2016



Nguyễn Văn Phúc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Tổng Công ty Khánh Việt - Công ty TNHH một thành viên

Giấy chứng nhận ĐKKD số 4200486169

Cấp ngày 05 tháng 01 năm 2011

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, TP Nha Trang, Khánh Hòa.

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



2 2 6 0 3 1 1 0 0 0 9 8 4

BD 292644

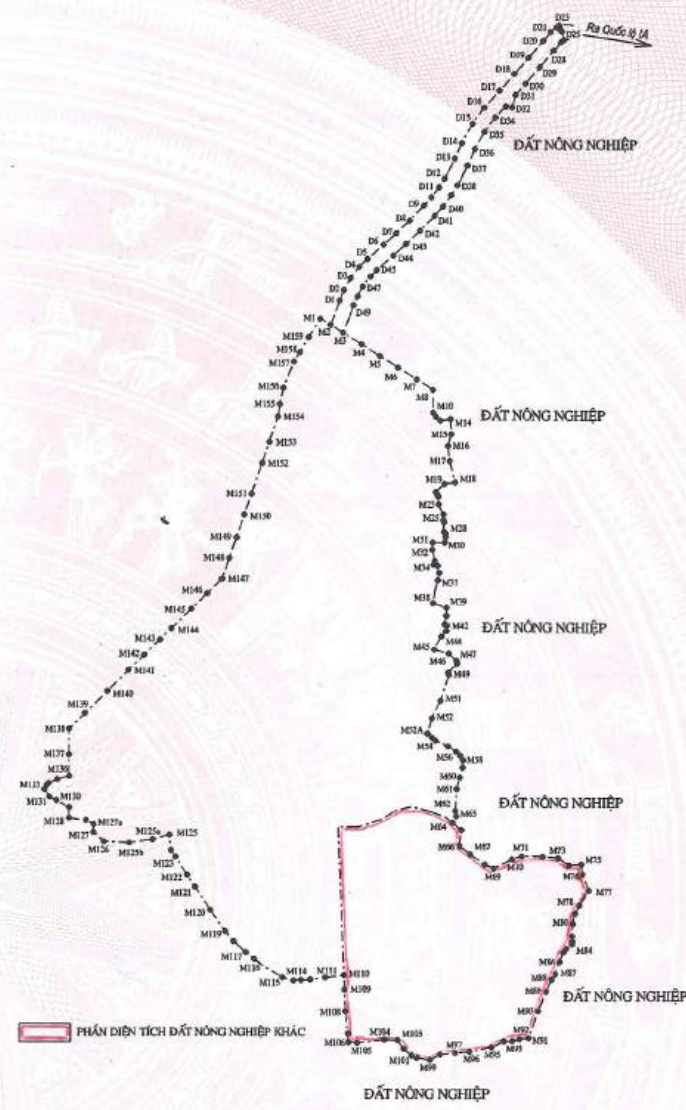
II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

- a) Thửa đất số: **01**, tờ bản đồ số: **610/2009/TĐ.BĐ**
- b) Địa chỉ: **Thôn Tân Phú, Xã Ninh Ích, Thị xã Ninh Hòa, Khánh Hòa**
- c) Diện tích: **361636 m²** (Ba trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm ba mươi sáu mét vuông)
- d) Hình thức sử dụng: riêng: **361636 m²**; chung: **không m²**
- đ) Mục đích sử dụng: **Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh 276056,0 m², Đất nông nghiệp khác 85580,0 m²**
- e) Thời hạn sử dụng: **đến hết ngày 13/8/2050**
- g) Nguồn gốc sử dụng: **Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm**

- 2. Nhà ở: **-/-**
- 3. Công trình xây dựng khác: **-/-**
- 4. Rừng sản xuất là rừng trồng: **-/-**
- 5. Cây lâu năm: **-/-**
- 6. Ghi chú: **Không.**

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



BẢNG KÊ TOA ĐỘ CÁC ĐIỂM MỐC RANH GIỚI KHU NHÀ MÁY (HỆ TOA ĐỘ VN-2000)

TT	X	Y	X	Y	TT	X	Y	X	Y
1	127220.11	296018.11	3681	127145.67	296332.05	438			
2	127227.28	296048.18	1848	127148.58	296331.82	1042			
3	127240.62	296271.18	2817	127144.67	296326.71	370			
4	127259.62	296507.20	5800	127132.12	296320.14	1748			
5	127281.42	296753.24	2835	127121.97	296314.81	670			
6	127305.28	297009.30	2835	127113.84	296309.29	1090			
7	127331.08	297280.37	3130	127107.63	296303.35	1524			
8	127358.88	297566.44	3425	127102.38	296296.88	1970			
9	127388.68	297867.51	3720	127098.13	296289.93	2420			
10	127420.48	298183.58	4015	127094.88	296282.48	2870			
11	127454.28	298514.65	4310	127092.63	296274.53	3320			
12	127490.08	298860.72	4605	127091.38	296266.08	3770			
13	127527.88	299221.79	4900	127091.13	296257.13	4220			
14	127567.68	299597.86	5195	127091.88	296247.68	4670			
15	127609.48	300089.93	5490	127093.63	296237.73	5120			
16	127653.28	300698.00	5785	127096.38	296227.28	5570			
17	127700.08	301423.07	6080	127100.13	296216.33	6020			
18	127749.88	302265.14	6375	127104.88	296204.88	6470			
19	127802.68	303225.21	6670	127110.63	296192.93	6920			
20	127858.48	304303.28	6965	127117.38	296180.48	7370			
21	127917.28	305400.35	7260	127125.13	296167.53	7820			
22	127979.08	306617.42	7555	127133.88	296154.08	8270			
23	128043.88	307954.49	7850	127143.63	296140.13	8720			
24	128111.68	309421.56	8145	127154.38	296125.68	9170			
25	128182.48	311028.63	8440	127166.13	296110.73	9620			
26	128256.28	312775.70	8735	127178.88	296095.28	10070			
27	128333.08	314662.77	9030	127192.63	296079.33	10520			
28	128412.88	316690.84	9325	127207.38	296062.88	10970			
29	128494.68	318869.91	9620	127223.13	296045.93	11420			
30	128578.48	321200.98	9915	127239.88	296028.48	11870			
31	128664.28	323684.05	10210	127257.63	296010.53	12320			
32	128752.08	326320.12	10505	127276.38	295992.08	12770			
33	128841.88	329110.19	10800	127296.13	295973.13	13220			
34	128932.68	332054.26	11095	127316.88	295952.68	13670			
35	129024.48	335153.33	11390	127338.63	295930.73	14120			
36	129117.28	338307.40	11685	127361.38	295907.28	14570			
37	129211.08	341516.47	11980	127385.13	295882.33	15020			
38	129305.88	344780.54	12275	127409.88	295855.88	15470			
39	129401.68	348100.61	12570	127435.63	295827.93	15920			
40	129498.48	351476.68	12865	127462.38	295798.48	16370			
41	129596.28	354908.75	13160	127489.13	295767.53	16820			
42	129695.08	358406.82	13455	127516.88	295735.08	17270			
43	129794.88	361970.89	13750	127545.63	295701.13	17720			
44	129895.68	365600.96	14045	127575.38	295665.68	18170			
45	129997.48	369307.03	14340	127606.13	295628.73	18620			
46	130100.28	373089.10	14635	127637.88	295590.28	19070			
47	130204.08	376947.17	14930	127670.63	295550.33	19520			
48	130308.88	380881.24	15225	127704.38	295508.88	19970			
49	130414.68	384891.31	15520	127739.13	295465.93	20420			
50	130521.48	388977.38	15815	127774.88	295421.48	20870			
51	130629.28	393139.45	16110	127811.63	295375.53	21320			
52	130738.08	397377.52	16405	127849.38	295328.08	21770			
53	130847.88	401691.59	16700	127888.13	295279.13	22220			
54	130958.68	406081.66	16995	127927.88	295228.68	22670			
55	131070.48	410547.73	17290	127968.63	295176.73	23120			
56	131183.28	415089.80	17585	128010.38	295123.28	23570			
57	131297.08	419707.87	17880	128053.13	295068.33	24020			
58	131411.88	424401.94	18175	128096.88	295011.88	24470			
59	131527.68	429172.01	18470	128141.63	294953.93	24920			
60	131644.48	434019.08	18765	128187.38	294894.48	25370			
61	131762.28	438943.15	19060	128234.13	294833.53	25820			
62	131881.08	443944.22	19355	128281.88	294771.08	26270			
63	132000.88	449022.29	19650	128330.63	294707.13	26720			
64	132121.68	454177.36	19945	128380.38	294641.68	27170			
65	132243.48	459409.43	20240	128431.13	294574.73	27620			
66	132366.28	464719.50	20535	128482.88	294506.28	28070			
67	132490.08	470107.57	20830	128535.63	294436.33	28520			
68	132614.88	475573.64	21125	128589.38	294364.88	28970			
69	132740.68	481117.71	21420	128644.13	294291.93	29420			
70	132867.48	486739.78	21715	128700.88	294217.48	29870			
71	132995.28	492439.85	22010	128758.63	294141.53	30320			
72	133124.08	498217.92	22305	128817.38	294064.08	30770			
73	133253.88	504074.99	22600	128877.13	293985.13	31220			
74	133384.68	509999.06	22895	128937.88	293904.68	31670			
75	133516.48	515991.13	23190	128999.63	293822.73	32120			
76	133649.28	522051.20	23485	129062.38	293739.28	32570			
77	133783.08	528179.27	23780	129126.13	293654.33	33020			
78	133917.88	534375.34	24075	129190.88	293567.88	33470			
79	134053.68	540639.41	24370	129256.63	293479.93	33920			
80	134190.48	546971.48	24665	129323.38	293390.48	34370			
81	134328.28	553371.55	24960	129391.13	293299.53	34820			
82	134467.08	559839.62	25255	129459.88	293207.08	35270			
83	134606.88	566375.69	25550	129529.63	293113.13	35720			
84	134747.68	572979.76	25845	129599.38	293017.68	36170			
85	134889.48	579651.83	26140	129670.13	292920.73	36620			
86	135032.28	586391.90	26435	129741.88	292822.28	37070			
87	135176.08	593199.97	26730	129814.63	292722.33	37520			
88	135320.88	600076.04	27025	129888.38	292620.88	37970			
89	135466.68	606991.11	27320	129963.13	292517.93	38420			
90	135613.48	613935.18	27615	130038.88	292413.48	38870			
91	135761.28	620908.25	27910	130115.63	292307.53	39320			
92	135910.08	627910.32	28205	130193.38	292200.08	39770			
93	136059.88	634931.39	28500	130272.13	292091.13	40220			
94	136210.68	641971.46	28795	130351.88	291980.68	40670			
95	136362.48	649030.53	29090	130432.63	291868.73	41120			
96	136515.28	656108.60	29385	130514.38	291755.28	41570			
97	136669.08	663205.67	29680	130597.13	291640.33	42020			
98	136823.88	670321.74	29975	130681.88	291523.88	42470			
99	136979.68	677456.81	30270	130767.63	291405.93	42920			
100	137136.48	684610.88	30565	130854.38	291286.48	43370			
101	137294.28	691783.95	30860	130942.13	291165.53	43820			
102	137453.08	698976.02	31155	131030.88	291043.08	44270			
103	137612.88	706187.09	31450	131120.63	290919.13	44720			
104	137773.68	713417.16	31745	131211.38	290793.68	45170			
105	137935.48	720666.23	32040	131303.13	290666.73	45620			
106	138098.28	727934.30	32335	131395.88	290538.28	46070			
107	138262.08	735221.37	32630	131489.63	290408.33	46520			
108	138426.88	742527.44	32925	131584.38	290276.88	46970			
109	138592.68	749852.51	33220	131680.13	290143.93	47420			
110	138759.48	757196.58	33515	131776.88	290009.48	47870			
111	138927.28	764559.65	33810	131874.63	289873.53	48320			
112	139096.08	771941.72	34105	131973.38	289736.08	48770			
113	139265.88	779342.79	34400	132073.13	289597.13	49220			
114	139436.68	786762.86	34695	132173.88	289456.68	49670			
115	139608.48	794201.93	34990	132275.63	289314.73				

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2504/QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 23 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh Chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và

Đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn 2021-2025 của Tổng công ty Khánh Việt

TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT
ĐẾN Số: *JHT*
Ngày: *06/11/2023*
Chuyên: *P. KH*
Số và ký hiệu HS:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 964/QĐ-UBND ngày 12/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và Đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn 2021-2025 của Tổng công ty Khánh Việt;

Xét Tờ trình số 143/TTr-TCTKV ngày 24/3/2023, Văn bản số 293/TCTKV ngày 08/6/2023 của Tổng công ty Khánh Việt và theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 2217/SKHĐT-TH ngày 13/6/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và Đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn 2021-2025 của Tổng công ty Khánh Việt tại Quyết định số 964/QĐ-UBND ngày 12/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

“- Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án Di dời nhà máy Thuốc lá Khatoco Khánh Hòa vào Cụm Công nghiệp Trảng É 1 là hoàn thành đưa vào sử dụng ngày 31/12/2023”;

- Bổ sung Dự án “Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1500 m³/ngày đêm và Hệ thống quan trắc nước thải tự động cho Cụm công nghiệp và Chăn nuôi Khatoco Ninh Ích”, kinh phí dự kiến 20 tỷ đồng, thời gian thực hiện: hoàn thành trước ngày 01/01/2024, vào Mục C Kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm, giai đoạn 2021-2025.”

Điều 2. Các nội dung còn lại vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 964/QĐ-UBND ngày 12/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nội vụ, Tư pháp, Tài nguyên và Môi trường, Công thương, Xây dựng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cam Lâm; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Ninh Hòa; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên Tổng công ty Khánh Việt và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Lưu VT, TLe, TNg.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Hữu Hoàng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HOÀ

Số: 915 /QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nha Trang, ngày 28 tháng 4 năm 2009

TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT

QUYẾT ĐỊNH

ĐẾN

Số: 235
Ngày: 29.4.2009

Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500
Cụm Công nghiệp và Chăn nuôi Khatoco - Ninh Ích

Chuyển TT 240

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;
Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;
Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07/4/2008 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 03/2008/QĐ-BXD ngày 31/3/2008 của Bộ Xây dựng ban hành quy định nội dung thể hiện bản vẽ, thuyết minh đối với nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 84/2007/QĐ-UBND ngày 31/12/2007 của UBND tỉnh Khánh Hòa V/v ban hành Quy định một số nội dung về Quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Thông báo số 166/TB-UBND ngày 24/4/2008 của UBND tỉnh Khánh Hòa V/v Thỏa thuận địa điểm lập thủ tục đầu tư dự án Cụm Công nghiệp và Chăn nuôi Khatoco - Ninh Ích tại thôn Tân Phú, xã Ninh Ích, huyện Ninh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 1866/QĐ-UBND ngày 24/7/2008 của UBND tỉnh Khánh Hòa V/v phê duyệt Nhiệm vụ thiết kế quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm Công nghiệp và Chăn nuôi Khatoco - Ninh Ích;

Căn cứ Công văn số 353/UBND ngày 22/01/2009 của UBND tỉnh Khánh Hòa về Chủ trương điều chỉnh quy mô diện tích lập quy hoạch xây dựng Cụm Công nghiệp và Chăn nuôi Khatoco - Ninh Ích;

Xét đề nghị của Tổng Công ty Khánh Việt tại Tờ trình số 86/TCTKV ngày 20/02/2009 V/v Trình phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm Công nghiệp và Chăn nuôi Khatoco - Ninh Ích và Kết quả thẩm định đồ án quy hoạch tại Công văn số 807/SXD-QLKTQH ngày 07/4/2009 của Sở Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 Cụm Công nghiệp và Chăn nuôi Khatoco - Ninh Ích với những nội dung chính sau:

I. Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm Công nghiệp và Chăn nuôi Khatoco - Ninh Ích.

II. Vị trí, giới hạn khu đất lập quy hoạch:

Phạm vi nghiên cứu của đồ án quy hoạch chi tiết có tổng diện tích 35,58 ha thuộc thôn Tân Phú, xã Ninh Ích, huyện Ninh Hòa; được giới hạn như sau:

- + Phía Đông giáp ruộng lúa;
- + Phía Tây giáp núi;
- + Phía Nam giáp đất trồng, ruộng lúa và đất trồng màu;
- + Phía Bắc giáp đất trồng, ruộng lúa và đất trồng màu.

III. Tính chất của khu quy hoạch: Xây dựng cụm công nghiệp và chăn nuôi gồm các nhà máy giết mổ, chế biến sản phẩm từ đà điểu, cá sấu; xây dựng trại chăn nuôi cá sấu.

IV. Nội dung đồ án thiết kế quy hoạch:

1. Các chỉ tiêu KTKT chính của đồ án:

a. Chỉ tiêu Quy hoạch - Kiến trúc:

- Đất xây dựng nhà máy: 50 %;
- Đất khu kỹ thuật: 1,5 %;
- Đất hành chính dịch vụ: 1,5 %;
- Đất giao thông: 15 %;
- Đất cây xanh: 20 %;
- Mật độ xây dựng tối đa toàn khu công nghiệp: 50 %;
- Tầng cao tối đa: 3 tầng; chiều cao tối đa: 12m.

b. Chỉ tiêu Hạ tầng - Kỹ thuật:

- Chuẩn bị kỹ thuật: san nền cục bộ, cụ thể phân thành 2 cụm:
 - + Khu vực các nhà máy: cao độ thiết kế san nền từ +4,50m đến +8,10m;
 - + Khu vực Trại cá sấu: cao độ thiết kế san nền từ +4,00m đến +7,32m.
- Cấp điện:
 - + Nhà hành chính, văn phòng: 30 W/m²;
 - + Công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm: 200 kW/ha;
 - + Cụm Công nghiệp nhỏ: 140 kW/ha;
 - + Các cơ sở sản xuất thủ công nghiệp: 120 kW/ha;
 - + Chiều sáng đèn đường: 12 ÷ 25 Lux.
- Cấp nước sinh hoạt: 150 lít/người/ng-đ;
- Thoát nước bản: bằng 80% lượng nước cấp;
- Rác thải sinh hoạt: 1 kg/người/ngày.

2. Tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc cảnh quan và các hạng mục công trình xây dựng:

Công trình kiến trúc trong Cụm Công nghiệp là các nhà xưởng có diện tích mái lớn. Các nhà máy có mật độ xây dựng khoảng 50%, còn lại là cây xanh và sân bãi. Các công trình hành chính, khu sinh hoạt của công nhân viên bố trí ở mặt trước của mỗi nhà máy, các công trình phụ trợ bố trí sau cùng của nhà máy. Từ hướng Đông vào sau trục đường chính là trục đường cảnh quan của toàn Cụm công nghiệp.

a. Khu hành chính - dịch vụ: bố trí tại công vào Cụm Công nghiệp, diện tích 0,42 ha chiếm tỷ lệ 1,21% tổng diện tích toàn Cụm Công nghiệp. Chiều cao tối đa công trình 12 mét; tầng cao tối đa 03 tầng; mật độ xây dựng 68,35%; tỷ lệ cây xanh, sân bãi chiếm 31,65% diện tích khu.

b. Nhà máy chế biến thực phẩm: bố trí kế Khu hành chính - dịch vụ, diện tích 2,57 ha chiếm tỷ lệ 7,44% tổng diện tích toàn Cụm Công nghiệp. Chiều cao tối đa công trình 16 mét; tầng cao tối đa 02 tầng; mật độ xây dựng 50,34%; tỷ lệ cây xanh, sân bãi chiếm 49,66% diện tích khu.

c. Khu kỹ thuật: bố trí tại trung tâm Cụm Công nghiệp, diện tích 0,48 ha chiếm tỷ lệ 1,40% tổng diện tích toàn Cụm Công nghiệp. Chiều cao tối đa công trình 10 mét; tầng cao tối đa 1-2 tầng; mật độ xây dựng 50,55%; tỷ lệ cây xanh, sân bãi chiếm 49,45% diện tích khu.

d. Nhà máy giết mổ đà điều: bố trí tại phía Tây Cụm Công nghiệp, diện tích 1,69 ha chiếm tỷ lệ 4,89% tổng diện tích toàn Cụm Công nghiệp. Chiều cao tối đa công trình 16 mét; tầng cao tối đa 02 tầng; mật độ xây dựng 50,62%; tỷ lệ cây xanh, sân bãi chiếm 49,38% diện tích khu.

e. Nhà máy thuộc da: bố trí tại phía Tây Nam Cụm Công nghiệp, diện tích 2,36 ha chiếm tỷ lệ 6,83% tổng diện tích toàn Cụm Công nghiệp. Chiều cao tối đa công trình 16 mét; tầng cao tối đa 02 tầng; mật độ xây dựng 41,30%; tỷ lệ cây xanh, sân bãi chiếm 58,7% diện tích khu.

f. Nhà máy giết mổ cá sấu: bố trí tại phía Đông Nhà máy giết mổ đà điều, diện tích 1,57 ha chiếm tỷ lệ 4,54% tổng diện tích toàn Cụm Công nghiệp. Chiều cao tối đa công trình 16 mét; tầng cao tối đa 02 tầng; mật độ xây dựng 50,35%; tỷ lệ cây xanh, sân bãi chiếm 49,65% diện tích khu.

g. Trại cá sấu: bố trí tại phía Nam khu đất, diện tích 8,11 ha chiếm tỷ lệ 23,48% tổng diện tích toàn Cụm Công nghiệp. Chiều cao tối đa công trình 10 mét; tầng cao tối đa 02 tầng; mật độ xây dựng 8,80%; tỷ lệ cây xanh, hồ nước, sân bãi chiếm 91,20% diện tích khu.

h. Khu xử lý nước thải tập trung: bố trí tại phía Bắc hồ điều hòa, diện tích 1,58 ha chiếm tỷ lệ 4,56% tổng diện tích toàn Cụm Công nghiệp. Chiều cao tối đa công trình 10 mét; tầng cao tối đa 02 tầng; mật độ xây dựng 39,45%; tỷ lệ cây xanh, sân bãi chiếm 60,55% diện tích khu.

i. Đất cây xanh công viên, cây xanh cách ly: bố trí giữa Nhà máy chế biến thực phẩm và Khu giết mổ, diện tích 5,66 ha chiếm tỷ lệ 20,33% tổng diện tích toàn Cụm Công nghiệp.

k. Hồ điều hòa: diện tích 3,79 ha chiếm tỷ lệ 10,98% tổng diện tích toàn Cụm Công nghiệp.

3. Quy hoạch sử dụng đất:

Toàn bộ khu đất quy hoạch có diện tích là 35,58 ha; trong đó: diện tích Cụm Công nghiệp là 34,56 ha và đất làm đường giao thông vào Cụm Công nghiệp là 1,02 ha. Đất trong khu vực thiết kế được bố trí như sau:

a. Bảng cân bằng đất đai:

TT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (HA)	TỈ LỆ (%)
----	----------	----------------	-----------

A	ĐẤT XÂY DỰNG CÁC NHÀ MÁY	8,19	23,02
1	NHÀ MÁY CHẾ BIẾN THỰC PHẨM	2,57	7,22
2	NHÀ MÁY THUỘC DA	2,36	6,63
3	NHÀ MÁY GIẾT MỠ CÁ SÁU	1,57	4,41
4	NHÀ MÁY GIẾT MỠ ĐÀ ĐIỀU	1,69	4,75
B	ĐẤT XÂY DỰNG TRẠI CÁ SÁU	8,11	22,79
C	ĐẤT KHU HÀNH CHÍNH - DỊCH VỤ	0,42	1,18
D	ĐẤT CÂY XANH	7,03	19,76
E	CÁC KHU CHỨC NĂNG KHÁC	5,85	16,44
5	HỒ ĐIỀU HÒA	3,79	10,65
6	KHU XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG	1,58	4,44
7	ĐẤT KHU KỸ THUẬT	0,48	1,35
F	ĐẤT ĐƯỜNG NỘI BỘ	4,96	13,94
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT CỤM CÔNG NGHIỆP	34,56	97,13
G	ĐẤT ĐƯỜNG ĐỐI NGOẠI	1,02	2,87
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT LẬP QH HOẠCH	35,58	100,00

b. Các hạng mục công trình dự kiến xây dựng:

Stt	Các hạng mục công trình	DT đất (m ²)		DT xây dựng (m ²)	
		DT	TL %	DT	MỖXD
1	Nhà máy chế biến thực phẩm	25.696	7.44	12.935	50.34
2	Nhà máy thuộc da	23.586	6.83	9.741	41.3
3	Nhà máy giết mổ cá sấu	15.677	4.54	7.893	50.35
4	Nhà máy giết mổ đà điểu	16.896	4.89	8.553	50.62
5	Trại cá sấu	81.140	23.48	7.140	8.80
6	Khu xử lý nước thải tập trung	15.758	4.56	6.217	39.45

4. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

a. Giao thông:

* Giao thông đối ngoại:

- Đường giao thông đối ngoại nối từ Quốc lộ 1A phía Bắc cầu Phú Hữu qua đường sắt nấn tuyến một đoạn dài khoảng 100 mét rồi nhập vào đường hiện trạng; dự kiến mở rộng 12 mét.

- Khi lập dự án chủ đầu tư sẽ lập thủ tục thỏa thuận đấu nối với đường Quốc lộ, đường sắt và có phương án đảm bảo an toàn giao thông tại các điểm giao cắt.

* Giao thông chung của Cụm Công nghiệp gồm có :

- Đường trục chính, bao gồm: đường số 1, đường số 3 và đường số 4 (lộ giới: 24m = 3,5m+7,5m+2m+7,5m+3,5m).

- Đường phụ, bao gồm: đường số 2, đường số 5, đường số 6 và đường số 7 (lộ giới: 14m = 3,5m+7m+3,5m).

- Trong mỗi nhà máy bố trí đường cứu hỏa xung quanh các phân xưởng rộng 3,5 mét; bãi đậu xe và quay xe, bãi đậu xe nhân viên; đường nội bộ Khu trại cá sấu rộng từ 3 mét đến 5,4 mét.

BẢNG THỐNG KÊ ĐƯỜNG

TT	TÊN ĐƯỜNG	LỘ GIỚI (M)	CHIỀU DÀI (M)	DIỆN TÍCH (M ²)
1	ĐƯỜNG SỐ 1	24	682	16.429
2	ĐƯỜNG SỐ 2	14	142	1.761
3	ĐƯỜNG SỐ 3	24	168	3.964
4	ĐƯỜNG SỐ 4	24	288	7.033
5	ĐƯỜNG SỐ 5	14	380	5.283
6	ĐƯỜNG SỐ 6	14	491	6.744
7	ĐƯỜNG SỐ 7	14	692	8.403
	TỔNG		2.843	49.617

b. San nền, thoát nước mưa:

*** Giải pháp san nền:**

San nền cục bộ, cụ thể phân thành 02 cụm như sau:

- Khu vực các nhà máy: cao độ thiết kế san nền từ +4,50 mét đến +8,10 mét; vùng đắp tôn nền khoảng 11,7 ha, chiều cao đắp trung bình 1,3 - 1,5 mét; vùng đào ven sườn núi khoảng 6,2 ha, độ cao đào trung bình 1,35 mét.

- Khu vực Trại cá sấu: cao độ thiết kế san nền từ +4,00 mét đến +7,32 mét; vùng đắp khoảng 3,9 ha, chiều cao đắp trung bình 0,6m; vùng đào khoảng 4,5 ha, độ cao đào trung bình 0,65 mét.

*** Giải pháp thoát nước mưa :**

Lưu vực thoát nước mưa chung của khu vực quy hoạch khoảng 135 - 150 ha; trong đó, 110 - 120 ha ngoài khu vực xây dựng. Sử dụng các mương bao và công bê tông ly tâm bố trí dọc các tuyến đường để đưa nước về hồ điều hòa và một phần thoát qua các cửa xả ra ruộng.

c. Cấp nước:

- Nguồn nước cấp: lấy từ đầu mối thu nước của hệ thống cấp nước sinh hoạt Ninh Ích; cải tạo, nâng cấp công trình đầu mối để lắp đặt ống thu nước riêng cho Trại nuôi cá sấu và Cụm Công nghiệp.

- Thiết kế mạng lưới cấp nước: mạng lưới đường ống được tổ chức mạng lưới cụt. Ống đi một bên đường, trên phần đất dành cho đường ống kỹ thuật. Độ sâu chôn ống tối thiểu 0,7 mét tính từ đỉnh ống. Xây dựng các hố van tại các vị trí nối vào các nhà máy và trụ chữa cháy.

- Hệ thống cấp nước chữa cháy: bố trí 2 trụ lấy nước chữa cháy với bán kính phục vụ trung bình 150 mét tại các ngã ba, ngã tư; lưu lượng cấp nước tại mỗi trụ là 15 lít/s.

d. Cấp điện:

- Nguồn điện: lấy từ tuyến đường dây trung áp 472/E24 và thiết kế tuyến đường dây hạ trạm 180kVA-22/0,4kV tại Trại cá sấu.

- Mạng phân phối điện:

+ Kết cấu đường dây trung thế đi trên không dài 1.050 mét, lắp trên trụ điện BTLT cao 10,5 mét.

+ Các nhà máy đều có trạm biến áp sản xuất riêng và dùng cáp ngầm cấp nguồn 3 pha 380/220V đến tủ điện tổng của từng đơn vị phụ tải.

+ Chiếu sáng các đường nội bộ trong khu công nghiệp dùng đèn cao áp thủy ngân, lắp trên các trụ điện trung hạ áp.

e. Thoát nước bản và vệ sinh môi trường:

- Hệ thống công thoát nước bản của khu quy hoạch được thiết kế xây dựng riêng.

- Hệ thống cống được thiết kế tự chảy, xây dựng ngầm dưới đất và đi dọc theo các trục đường chính trong khu quy hoạch, bám theo hướng dốc địa hình.

- Yêu cầu của giải pháp thoát nước bản khu quy hoạch là mỗi cơ sở nhà máy, xí nghiệp và trại cá sấu được tổ chức xử lý sơ bộ tại từng nhà máy trước khi cho xả vào hệ thống xử lý nước thải tập trung.

V. Những qui định về quản lý quy hoạch xây dựng :

Thực hiện việc quản lý quy hoạch xây dựng theo Luật Xây dựng, Luật Đất đai, Nghị định 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về Quy hoạch xây dựng và Quy chuẩn Xây dựng do Bộ Xây dựng ban hành, đồng thời tuân thủ theo đồ án quy hoạch chi tiết được phê duyệt và các quy định hiện hành của UBND tỉnh về quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.



Điều 2. Phân công thực hiện:

Các Sở: Kế hoạch & Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên & Môi trường, Giao thông Vận Tải, Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn và Công thương; UBND huyện Ninh Hòa quản lý khu quy hoạch theo chức năng của ngành, theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch & Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên & Môi trường, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn, Công thương; Chủ tịch UBND huyện Ninh Hòa; Tổng Giám đốc Tổng Công ty Khánh Việt; Thủ trưởng các Sở ngành và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận :

- Như điều 3;
- Các đơn vị liên quan (5 bản);
- ✓ Lưu: VT, HgP, CN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Vũ Lâm Phi

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HOÀ**

Số: 2544/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Khánh Hòa, ngày 29 tháng 8 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng
(tỷ lệ 1/500) Cụm Công nghiệp và Chăn nuôi Khatoco – Ninh Ích**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 84/2007/QĐ-UBND ngày 31/12/2007 của UBND tỉnh Khánh Hòa V/v Ban hành Quy định một số nội dung về Quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 915/QĐ-UBND ngày 28/4/2009 của UBND tỉnh V/v phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp và chăn nuôi Khatoco – Ninh Ích;

Căn cứ văn bản số 491/UBND-XDND ngày 22/01/2016 của UBND tỉnh V/v điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/500 Cụm công nghiệp và chăn nuôi Khatoco – Ninh Ích tại thị xã Ninh Hòa.

Xét đề nghị của Tổng Công ty Khánh Việt tại Tờ trình số 173/TTr-TCTKV ngày 20/7/2016 trình thẩm định và phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp và chăn nuôi Khatoco – Ninh Ích và Kết quả thẩm định của Sở Xây dựng tại văn bản số 2554/SXD-KTQH ngày 12/8/2016,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Phê duyệt Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) Cụm Công nghiệp và Chăn nuôi Khatoco – Ninh Ích, thị xã Ninh Hòa với những nội dung như sau:

I. Nội dung điều chỉnh quy hoạch:

1. Tên đồ án: Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) Cụm Công nghiệp và Chăn nuôi Khatoco - Ninh Ích.

2. Phân khu chức năng, bố trí các hạng mục công trình:

Trong cụm công nghiệp, hệ thống giao thông và giới hạn các ô đất giữ nguyên theo đồ án quy hoạch đã được phê duyệt, chỉ thay đổi một số chức năng bên trong các ô đất, cụ thể như sau:

a) Khu dịch vụ (ký hiệu DV): Bố trí tại khu đất quy hoạch cây xanh trước đây.



b) Các nhà máy dệt may (ký hiệu NM1, NM2, NM3, NM5, NM7): Bố trí khu vực trung tâm Cụm công nghiệp, được chuyển đổi từ các khu vực trước đây là Nhà máy chế biến thực phẩm, Nhà máy giết mổ cá sấu, đà điểu và một phần cây xanh.

c) Nhà máy thuộc da (ký hiệu NM4): Bố trí phía Tây Cụm công nghiệp và gần khu xử lý nước thải.

d) Nhà máy may da (ký hiệu NM6): Bố trí phía Tây Cụm công nghiệp và liền kề Nhà máy thuộc da.

e) Khu xử lý nước thải tập trung (ký hiệu XL): Bố trí phía Bắc hồ điều hòa, ở vị trí thấp thuận tiện cho việc thoát nước thải trước và sau khi xử lý.

f) Đất cây xanh: Bố trí trên các khu đất giữa các đường giao thông và ranh giới khu đất, quanh hồ điều hòa.

j) Hồ điều hòa, Khu kỹ thuật, Khu hành chính, Trại cá sấu cơ bản giữ nguyên theo đồ án quy hoạch đã được phê duyệt.

3. Quy hoạch sử dụng đất:

BẢNG SO SÁNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

THEO QUY HOẠCH PHÊ DUYỆT (tại Quyết định số 915/QĐ-UBND ngày 28/4/2009 của UBND tỉnh Khánh Hòa)						THEO QUY HOẠCH ĐIỀU CHỈNH						GHI CHÚ
Ký hiệu	Công trình	DT (ha)	Tỷ lệ (%)	MĐXD (%)	Tầng cao tối đa	Ký hiệu	Công trình	DT (ha)	Tỷ lệ (%)	MĐXD (%)	Tầng cao tối đa	
Đất xây dựng nhà máy		8,19	23,02			Đất xây dựng nhà máy		10,95	30,77			Tăng 2,76 ha
NM1	Nhà máy chế biến thực phẩm	2,57	7,22	50	02 tầng	NM1	Nhà máy dệt may	2,57	7,22	55	02 tầng (13m)	
NM3	Nhà máy giết mổ cá sấu	1,57	4,41	50,35	02 tầng	NM2	Nhà máy dệt may	1,57	4,41	54,48	02 tầng (16m)	
NM2	Nhà máy giết mổ đà điểu	1,69	4,75	50,62	02 tầng	NM3	Nhà máy dệt may	1,69	4,75	55,44	02 tầng (16m)	
NM4	Nhà máy thuộc da	2,36	6,63	41,30	02 tầng	NM4	Phân xưởng thuộc da	1,30	3,65	57,60	02 tầng (16m)	
						NM6	Nhà	1,06	2,98	59,52	02	

							máy may da					tầng (16m)	
						NM5	Nhà máy dệt may	1,68	4,72	54,56		02 tầng (16m)	Điều chỉnh chức năng từ lô đất cây xanh CX
						NM7	Nhà máy dệt may	1,08	3,04	58,88		02 tầng (16m)	Khu xử lý nước trước đây tách thành khu xử lý nới + 01 nhà máy dệt may (NM7)
Trại cá sấu		8,11	22,79			Trại cá sấu		8,11	22,79				Giữ nguyên
Đất khu hành chính – dịch vụ		0,42	1,18			Đất khu hành chính – dịch vụ		1,16	3,26				Tăng 0,74 ha
HC	Đất khu hành chính	0,42	1,18	68	03 tầng	HC	Đất khu hành chính	0,42	1,18	68		03 tầng (12m)	
						DV	Đất dịch vụ (nhà ăn)	0,74	2,08	73,71		03 tầng (12m)	Bổ sung tại vị trí Khu cây xanh phía Tây đường số 7
Đất cây xanh		7,03	17,96			Đất cây xanh		4,61	12,96				Giảm 2,42 ha
Các khu chức năng khác		5,85	16,44			Các khu chức năng khác		4,77	13,41				Giảm 1,08 ha
Hồ	Hồ điều hòa	3,79	10,65			Hồ	Hồ điều hòa	3,79	10,65				
KT	Đất khu kỹ thuật	0,48	1,35	50	02 tầng	KT	Đất khu kỹ thuật	0,48	1,35	50		02 tầng (10m)	
XL	Khu xử lý nước thải tập trung	1,58	4,44	39,45	02 tầng	XL	Khu xử lý nước thải tập trung	0,50	1,41	70		02 tầng (07m)	Khu xử lý nước trước đây tách thành khu xử lý nới + 01 nhà máy dệt may (NM7)
Đất đường nội bộ		4,96	13,94			Đất đường nội bộ		4,96	13,94				Giữ nguyên
TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT CỤM CÔNG NGHIỆP		34,56	97,13			TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT CỤM CN		34,56	97,13				



Đất đường đổi ngoại	1,02	2,87			Đất đường đổi ngoại	1,02	2,87			Giữ nguyên
TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT ĐƯỢC GIAO	35,58	100,00			TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT ĐƯỢC GIAO	35,58	100,00			Giữ nguyên

BẢNG CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT SAU ĐIỀU CHỈNH

TT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	DTXD (ha)
A	Đất xây dựng nhà máy	10,95	30,77	6,12
B	Đất Trại cá sấu	8,11	22,79	0,71
C	Đất khu hành chính – dịch vụ	1,16	3,26	0,83
D	Đất cây xanh	4,61	12,96	
E	Đất các khu chức năng khác	4,77	13,41	0,59
F	Đất đường nội bộ	4,96	13,94	
TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT CỤM CN		34,56	97,13	
G	Đất đường đổi ngoại	1,02	2,87	
TỔNG DIỆN TÍCH		35,58	100,00	8,25

4. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

Các hạng mục giao thông, thoát nước mưa, san nền, cấp nước, thoát nước, thoát nước thải cơ bản giữ nguyên theo đồ án quy hoạch được duyệt. Chỉ điều chỉnh, bổ sung một số tuyến ống kỹ thuật để tiếp cận các hạng mục công trình mới cho phù hợp.

II. Những quy định về quản lý quy hoạch xây dựng:

Việc quản lý quy hoạch xây dựng Cụm Công nghiệp thực hiện theo Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng và quy chuẩn quy hoạch do Bộ Xây dựng ban hành.

Điều 2. Các nội dung khác (không điều chỉnh) được giữ nguyên và thực hiện theo Quyết định số 915/QĐ-UBND ngày 28/4/2009 của UBND tỉnh Khánh Hòa V/v phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp và chăn nuôi Khatoco – Ninh Ích.

Điều 3. Phân công thực hiện:

Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và PTNT, Công Thương và UBND thị xã Ninh Hòa quản lý khu quy hoạch theo chức năng của ngành, theo quy định hiện hành

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải;

Nông nghiệp và PTNT, Công Thương; Chủ tịch UBND thị xã Ninh Hòa; Tổng Giám đốc Công ty Khánh Việt; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Các đơn vị liên quan (10 bản);
- Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT, HgP, CN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



CHỦ TỊCH

Lê Đức Vinh



QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch đầu tư phát triển Tổng công ty Khánh Việt năm 2024

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT

Căn cứ Quyết định số 2914/QĐ-UBND ngày 13/11/2009 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt phương án chuyển đổi và chuyển Tổng công ty Khánh Việt thành Tổng công ty TNHH MTV Khánh Việt;

Căn cứ Quyết định số 1922/QĐ-UBND ngày 29/7/2010 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc điều chỉnh tên gọi của Tổng công ty TNHH MTV Khánh Việt thành Tổng công ty Khánh Việt;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khánh Việt đã được UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành theo Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 08/01/2015 và sửa đổi theo Quyết định số 3085/QĐ-UBND ngày 16/10/2018;

Căn cứ Quyết định số 964/QĐ-UBND ngày 12/4/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và Đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn 2021-2025 của Tổng công ty Khánh Việt;

Căn cứ Quyết định số 2504/QĐ-UBND ngày 23/10/2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt điều chỉnh Chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và Đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn 2021-2025 của Tổng công ty Khánh Việt;

Căn cứ Tờ trình số 652/TTr-TCTKV ngày 20/12/2023 của Tổng Giám đốc Tổng công ty Khánh Việt về việc ban hành Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2024 và Biên bản họp HĐQT Tổng công ty Khánh Việt ngày 20/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Kế hoạch đầu tư phát triển Tổng công ty Khánh Việt năm 2024 và các công ty con năm 2024 (100% vốn của Tổng công ty Khánh Việt) theo phụ lục 1 và phụ lục 2 đính kèm.

Điều 2. Việc đầu tư, xây dựng, mua sắm, sửa chữa của các đơn vị phụ thuộc và các công ty con (100% vốn của Tổng công ty Khánh Việt) theo phụ lục 1 và phụ lục 2 đính kèm phải tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Các ông/bà Tổng Giám đốc, Trưởng các phòng, ban liên quan, Giám đốc các đơn vị thuộc Tổng công ty Khánh Việt và Chủ tịch, Giám đốc các Công ty con 100% vốn của Tổng công ty Khánh Việt chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thi hành);
- HĐT, KSV, BDH TCT;
- Lưu: VT, TT.





Trần Minh Quang



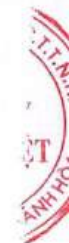
Phụ lục 1: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT NĂM 2024
(Đính kèm Quyết định số 168/QĐ-HĐTV ngày 20/12/2023 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Khánh Việt)

Dvt: Triệu đồng.

Stt	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư (Kinh phí dự kiến)			Công việc dự kiến triển khai	Dự kiến vốn đầu tư thực hiện năm 2024			Ghi chú
		Tổng cộng	Vốn doanh nghiệp	Vốn vay		Tổng cộng	Vốn doanh nghiệp	Vốn vay	
A	Dự án chuyển tiếp (đã được phê duyệt, tiếp tục triển khai)	599.550	192.550 (32,1%)	407.000 (67,9%)		157.550	59.550 (37,8%)	98.000 (62,2%)	
1	Di dời Nhà máy Thuốc lá Khatoco Khánh Hòa vào Cụm công nghiệp Trảng É 1* (* Ưu tiên đầu tư)	582.000	175.000 (30%)	407.000 (70%)	Thanh quyết toán tất cả các hạng mục công trình	140.000	42.000 (30,0%)	98.000 (70,0%)	
2	Đầu tư xây dựng nhà kho số 2 tại xã Ea Lê, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk (Cơ sở sơ chế và thu mua thuốc lá Khatoco - giai đoạn II)	7.808	7.808 (100%)	0 (%)	Lập, thẩm định điều chỉnh kế hoạch đầu thầu; Tổ chức đấu thầu; Triển khai thi công và hoàn thành công trình đưa vào khai thác sử dụng trong năm	7.808	7.808 (100%)	0 (0%)	
3	Đầu tư Máy phát điện dự phòng công suất 750kVA cho Nhà máy Thuốc lá Khatoco Khánh Hòa tại Cụm công nghiệp Trảng É 1	2.801	2.801 (100%)	0 (%)	Tổ chức đấu thầu và hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng quý II/2024	2.801	2.801 (100%)	0 (0%)	
4	Đầu tư Mái che lối đi bộ đến Nhà ăn cho Nhà máy Thuốc lá Khatoco Khánh Hòa tại Cụm công nghiệp Trảng É 1	1.394	1.394 (100%)	0 (%)	Tổ chức đấu thầu; Triển khai thi công và hoàn thành công trình đưa vào khai thác sử dụng trong quý II/2024	1.394	1.394 (100%)	0 (0%)	
5	Đầu tư Mua sắm pallet nhựa cho Nhà máy Thuốc lá Khatoco Khánh Hòa	4.440	4.440 (100%)	0 (%)	Lập, thẩm định, phê duyệt HSMT; Tổ chức đấu thầu; Triển khai hoàn thành mua sắm trong quý II/2024	4.440	4.440 (100%)	0 (0%)	
6	Đầu tư Máy phân tích Nicotine và Đường cho Công ty Thuốc lá nguyên liệu Khatoco tại Cụm công nghiệp Đắc Lộ	1.107	1.107 (100%)	0 (%)	Lập, thẩm định, phê duyệt HSMT; Triển khai hoàn thành mua sắm trong quý II/2024	1.107	1.107 (100%)	0 (0%)	



2.2	Máy nén khí Atlas Copco 75VSD	1.265	1.265 (100%)	0 (0%)	Lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo KTKT; Kế hoạch đấu thầu; Tổ chức đấu thầu và hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng trong năm	1.265	1.265 (100%)	0 (0%)	Kinh phí tạm tính
2.3	Cụm đảo đầu điều	3.850	3.850 (100%)	0 (0%)	Lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo KTKT; Kế hoạch đấu thầu; Tổ chức đấu thầu và hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng trong năm	3.850	3.850 (100%)	0 (0%)	Kinh phí tạm tính
3	Công ty Kinh doanh Đà điều Cá sấu Khatoco	2.219	2.219 (100%)	0 (0%)		2.219	2.219 (100%)	0 (0%)	
3.1	Phu long nhựa PPH	1.202	1.202 (100%)	0 (0%)	Lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo KTKT; Kế hoạch đấu thầu; Tổ chức đấu thầu và hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng trong năm	1.202	1.202 (100%)	0 (0%)	Kinh phí tạm tính
3.2	Máy đánh bóng	1.017	1.017 (100%)	0 (0%)	Lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo KTKT; Kế hoạch đấu thầu; Tổ chức đấu thầu và hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng trong năm	1.017	1.017 (100%)	0 (0%)	Kinh phí tạm tính
	Tổng cộng:	628.968	221.968 (35,3%)	407.000 (64,7%)		181.685	83.685 (46,1%)	98.000 (53,9%)	



**Phụ lục 2: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2024 CỦA
CÁC CÔNG TY CON (100% VỐN CỦA TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT)**

(Đính kèm Quyết định số 168/QĐ-HĐTV ngày 20/12/2023 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Khánh Việt)

Đvt: Triệu đồng.

Stt	Tên dự án, công trình	Tổng mức đầu tư (Kinh phí dự kiến)			Công việc dự kiến triển khai	Dự kiến vốn đầu tư thực hiện năm 2024			Ghi chú
		Tổng cộng	Vốn Doanh nghiệp	Vốn vay		Tổng cộng	Vốn Doanh nghiệp	Vốn vay	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I	Công ty TNHH MTV Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khatoco	414.930	414.930 (100%)	0 (0%)		41.752	41.752 (100%)	0 (0%)	
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng Cụm Công nghiệp Trảng É 1	193.745	193.745 (100%)	0 (0%)	Xây dựng phần còn lại của Lót gạch vỉa hè và cây xanh	3.703	3.703 (100%)	0,0 (0%)	Dự án chuyển tiếp (đã được phê duyệt, tiếp tục triển khai)
2	Xây dựng cơ sở hạ tầng Cụm Công nghiệp Trảng É 2	215.868	215.868 (100%)	0 (0%)	- Bồi thường giải tỏa phần còn lại (15ha). - Thi công đường số 1 nối dài: giao thông, thoát nước mưa, thoát nước thải. - Thi công đường số 6 (đoạn ngã giao đường số 1 đến tỉnh lộ 3 - 134,34m): giao thông, thoát nước mưa, thoát nước thải. - Cống thoát nước thải dọc ĐS5. - Gia cố mương thoát nước (giai đoạn 1).	37.829	37.829 (100%)	0,0 (0%)	Dự án chuyển tiếp (đã được phê duyệt, tiếp tục triển khai)
3	Nhà điều hành	5.317	5.317 (100%)	0 (0%)	Thực hiện thủ tục chuẩn bị đầu tư	220	220 (100%)	0,0 (0%)	Dự án mới đề xuất; Kinh phí tạm tính
II	Cty TNHH Thương Mại Khatoco	1.480	1.480 (100%)	0 (0%)		1.480	1.480 (100%)	0 (0%)	
1	Sửa chữa nhà 19 Phan Chu Trinh - Đà Nẵng	500	500 (100%)	0 (0%)	Triển khai giai đoạn chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư và hoàn thành đưa khai thác sử dụng vào tháng 5/2024	500	500 (100%)	0,0 (0%)	Dự án mới đề xuất; Kinh phí tạm tính
2	Mua xe bán tải phục vụ giao nhận hàng và công tác thị trường Đà Nẵng	980	980 (100%)	0 (0%)	Triển khai giai đoạn chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư và hoàn thành đưa khai thác sử dụng vào tháng 5/2024	980	980 (100%)	0,0 (0%)	Dự án mới đề xuất; Kinh phí tạm tính
Tổng cộng:		416.410	416.410 (100%)	0 (0%)		43.232	43.232 (100%)	0 (0%)	

UBND TỈNH KHÁNH HÒA
TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT

Số: 216/QĐ-HĐTV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 750 m³/ngày đêm và Hệ thống quan trắc nước thải tự động cho Cụm công nghiệp và chăn nuôi Khatoco Ninh Ích (Giai đoạn 1)

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT

Căn cứ Quyết định số 2914/QĐ-UBND ngày 13/11/2009 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt phương án chuyển đổi và chuyển Tổng công ty Khánh Việt thành Tổng công ty TNHH MTV Khánh Việt;

Căn cứ Quyết định số 1922/QĐ-UBND ngày 29/7/2010 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc điều chỉnh tên gọi của Tổng Công ty TNHH MTV Khánh Việt thành Tổng công ty Khánh Việt;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khánh Việt được UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành theo Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 08/01/2015 và sửa đổi theo Quyết định số 3085/QĐ-UBND ngày 16/10/2018;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014 của Quốc hội khoá 13, kỳ họp thứ 7 thông qua, có hiệu lực thi hành từ 01/01/2015; Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội khoá 14, kỳ họp thứ 9 thông qua về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật 50/2014/QH13;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ về quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐTV ngày 24/3/2023 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Khánh Việt về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm, giai đoạn 2021-2025 của Tổng công ty Khánh Việt;

Căn cứ Quyết định số 2504/QĐ-UBND ngày 23/10/2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt điều chỉnh Chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và



Đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn 2021-2025 của Tổng công ty Khánh Việt gửi đến Tổng công ty Khánh Việt vào ngày 06/11/2023;

Căn cứ Quyết định số 133/QĐ-HĐTV ngày 09/11/2023 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Khánh Việt về việc bổ sung Kế hoạch đầu tư phát triển Tổng công ty Khánh Việt năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 141/QĐ-HĐTV ngày 21/11/2023 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Khánh Việt về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thực hiện trước khi phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 750 m³/ngày đêm và Hệ thống quan trắc nước thải tự động cho Cụm công nghiệp và chăn nuôi Khatoco Ninh Ích (Giai đoạn 1);

Căn cứ Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 750 m³/ngày đêm và Hệ thống quan trắc nước thải tự động cho Cụm công nghiệp và chăn nuôi Khatoco Ninh Ích (Giai đoạn 1) do Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Môi trường 68 lập tháng 6/2024;

Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm tra số 0608/BCTT/XLNT/2024 ngày 06/8/2024 của Công ty TNHH Công nghệ SUSPRO về việc thẩm tra Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 750 m³/ngày đêm và Hệ thống quan trắc nước thải tự động cho Cụm công nghiệp và chăn nuôi Khatoco Ninh Ích (Giai đoạn 1);

Căn cứ Tờ trình số 1679/BQL-QLDA3 ngày 07/8/2024 của Ban Quản lý dự án Phát triển tỉnh Khánh Hòa về việc thẩm định, phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng;

Theo đề nghị tại Tờ trình số 571/TTr-TCTKV ngày 13/9/2024 của Tổng Giám đốc Tổng công ty Khánh Việt về việc trình thẩm định, phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 750 m³/ngày đêm và Hệ thống quan trắc nước thải tự động cho Cụm công nghiệp và chăn nuôi Khatoco Ninh Ích (Giai đoạn 1); Báo cáo thẩm định ngày 18/9/2024 của Tổ thẩm định và Biên bản họp Hội đồng thành viên Tổng công ty Khánh Việt ngày 19/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 750 m³/ngày đêm và Hệ thống quan trắc nước thải tự động cho Cụm công nghiệp và chăn nuôi Khatoco Ninh Ích (Giai đoạn 1) với các nội dung chính như sau:

1. Tên Báo cáo kinh tế kỹ thuật: Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 750 m³/ngày đêm và Hệ thống quan trắc nước thải tự động cho Cụm công nghiệp và chăn nuôi Khatoco Ninh Ích (Giai đoạn 1).

2. Người quyết định đầu tư: Hội đồng thành viên Tổng công ty Khánh Việt

3. Chủ đầu tư: Tổng công ty Khánh Việt.

4. Mục tiêu đầu tư:

- Xử lý nước thải tập trung cho Cụm công nghiệp và chăn nuôi Khatoco Ninh Ích với công suất 750m³/ngày đêm (giai đoạn 1).

- Ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Quan trắc chất lượng nước thải tự động và gửi dữ liệu về Sở TNMT tỉnh Khánh Hòa.

5. Quy mô đầu tư:

- Quy mô về xây dựng: diện tích khu đất xây dựng: 0,5 ha.

- Đầu tư mới, Trong đó bao gồm các hạng mục chính như sau:

+ Bể thu gom.

+ Cụm bể xử lý chính và các thiết bị xử lý.

+ Hệ thống đường ống công nghệ và đường ống thoát nước sau xử lý.

+ Hệ thống điện nội bộ trạm xử lý và hệ thống cấp điện nguồn cho trạm xử lý.

+ Các nhà chức năng bao gồm nhà điều hành, nhà đặt trạm quan trắc, nhà hóa chất, nhà ép bùn, nhà đặt máy thổi khí, nhà đặt tủ điện điều khiển.

+ Hồ sự cố.

+ Hệ thống quan trắc nước thải tự động.

+ Đường nội bộ, công và hàng rào bảo vệ.

6. Tổ chức tư vấn:

- Tổ chức lập khảo sát xây dựng: Công ty TNHH Tư vấn Giao thông Xây dựng.

- Tổ chức thuyết minh báo cáo kinh tế kỹ thuật: Công Ty TNHH Đầu tư Phát triển Môi trường 68.

- Tổ chức tư vấn lập thiết kế bản vẽ thi công - dự toán: Công Ty TNHH Đầu tư Phát triển Môi trường 68.

7. Địa điểm xây dựng: Cụm công nghiệp và chăn nuôi Khatoco Ninh Ích, xã Ninh Ích, huyện Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

8. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

- Nhóm, loại, cấp công trình: Nhóm C, công trình hạ tầng kỹ thuật thoát nước, cấp III.

- Thời hạn sử dụng của công trình: 20 năm.

9. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

9.1. Số bước thiết kế: 01 bước.

9.2. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- Kết cấu bê tông và BTCT - Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 5574:2018

- Qui phạm thi công & nghiệm thu bể chứa bê tông cốt thép TCVN 5641:2012

- Tải trọng và tác động. Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 2737: 1995

- Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình TCVN 9362-2012

- Tổ chức thi công TCVN 4055-2012

5169

ING

NG 1

NH V

NG-1

- Nghiệm thu các công trình xây dựng TCVN 4091-85
- Kết cấu gạch đá, quy phạm thi công và nghiệm thu TCVN 4085-2011
- Kết cấu BTCT toàn khối, quy phạm thi công và nghiệm thu TCVN 4453-95
- Công tác hoàn thiện trong xây dựng - Thi công và nghiệm thu TCVN 9377-2012
- Bê tông, kiểm tra đánh giá độ bền, Quy định chung TCVN 5540-91
- Xi măng, các tiêu chuẩn để thử xi măng TCVN 139-1991
- TCVN 7570:2006- Cốt liệu cho bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật
- Bê tông, Yêu cầu bảo dưỡng ẩm tự nhiên TCVN 8828-2011
- Vữa xây dựng, yêu cầu kỹ thuật TCVN 4314-2003
- Hướng dẫn pha trộn và sử dụng vữa xây dựng TCVN 4459-87
- Gạch- phương pháp kiểm tra bền nén TCVN 246-86
- Nước cho bê tông và vữa, yêu cầu kỹ thuật TCVN 4506-2012
- Bê tông nặng – lấy mẫu chế tạo và bảo dưỡng mẫu TCVN 3105-1993
- Bê tông nặng – phương pháp thử độ sụt TCVN 3106-1993
- Mái bằng và sàn BTCT trong công trình, yêu cầu chống thấm TCVN 5718-1993
- Cốt thép bê tông TCVN 1651-2008.
- TCVN 1651-1:2008, Thép cốt cho bê tông – Phần 1: Thép thanh tròn trơn
- TCVN 1651-2:2008, Thép cốt cho bê tông – Phần 2: Thép thanh vằn
- TCVN 2737:1995, Tải trọng và tác động – Tiêu chuẩn thiết kế
- TCVN 9379:2012, Kết cấu xây dựng và nền – Nguyên tắc cơ bản về tính toán
- TCVN 12251:2018, Bảo vệ chống ăn mòn cho kết cấu xây dựng
- QCVN 40:2011/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường
- Và các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành khác.

10. Tổng mức đầu tư (làm tròn): **14.998.223.000 đồng** (Bằng chữ: Mười bốn tỷ, chín trăm chín mươi tám triệu, hai trăm hai mươi ba ngàn đồng), đã bao gồm thuế VAT trong đó:

Chi phí xây dựng	: 6.030.482.728 đồng;
Chi phí thiết bị	: 7.277.765.000 đồng;
Chi phí quản lý dự án	: 299.027.809 đồng;
Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	: 873.141.030 đồng;
Chi phí khác	: 151.995.200 đồng;
Chi phí dự phòng	: 365.810.294 đồng;

(Chi tiết các khoản mục chi phí theo Phụ lục đính kèm)

PHỤ LỤC
BẢNG TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Công trình: Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 750 m³/ngày đêm và Hệ thống
quan trắc nước thải tự động cho Cụm công nghiệp và chăn nuôi Khatoco Ninh Ích (Giai đoạn 1).
Địa điểm đầu tư: Cụm công nghiệp và chăn nuôi Khatoco Ninh Ích, tỉnh Khánh Hòa
(Kèm theo Quyết định số 216/QĐ-HĐTV ngày 24 tháng 9 năm 2024)

Stt	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Định mức	Cách tính	Chi phí trước thuế	Thuế giá trị gia tăng	Chi phí sau thuế
1	Chi phí xây dựng	Gcpxd			5.482.257.025	548.225.703	6.030.482.728
2	Chi phí thiết bị	Gtb			6.616.150.000	661.615.000	7.277.765.000
3	Chi phí quản lý dự án	Gqlda	2,80867 %	$2,80867\% \times (Gxd+Gtb) \times 0,8$	271.843.463	27.184.346	299.027.809
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	Gtv		Gtv1 : Gtv15	795.988.999	77.152.031	873.141.030
4.1	Chi phí khảo sát	Gtv1			111.032.407	8.882.593	119.915.000
4.2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng	Gtv2	3,00000 %	$3\% \times Gtv1$	3.330.972	333.097	3.664.069
4.3	Chi phí thẩm tra nhiệm vụ khảo sát xây dựng và dự toán	Gtv3			3.915.741	313.259	4.229.000
4.4	Chi phí thẩm tra phương án khảo sát xây dựng	Gtv4			2.000.000	160.000	2.160.000
4.5	Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng	Gtv5			5.395.370	431.630	5.827.000
4.6	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	Gtv6	3,14508 %	$3,14508\% \times (Gxd+Gtb)$	380.504.580	38.050.458	418.555.038
4.7	Chi phí thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, phần thiết kế	Gtv7	0,19700 %	$0,197\% \times Gxd \times 1,2$	12.960.056	1.296.006	14.256.062
4.8	Chi phí thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, phần dự toán	Gtv8	0,19100 %	$0,191\% \times Gxd \times 1,2$	12.565.333	1.256.533	13.821.866

4.9	Chi phí Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng	Gtv9	0,38800 %	0,388% x GXD (Dự toán gói thầu)	21.304.553	2.130.455	23.435.008
4.10	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu (Nghị định 24/2024/NĐ-CP)	Gtv10	0,10000 %	0,1%*(Giá gói thầu)	12.098.407	1.209.841	13.308.248
4.11	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (Nghị định 24/2024/NĐ-CP)	Gtv11	0,10000 %	0,1%*(Giá gói thầu)	12.098.407	1.209.841	13.308.248
4.12	Chi phí cho Hội đồng tư vấn giải quyết khiếu nại của nhà thầu (Nghị định 24/2024/NĐ-CP)	Gtv12	0,03000 %	0,03%*(Giá gói thầu)	5.000.000	500.000	5.500.000
4.13	Chi phí giám sát thi công xây dựng	Gtv13	2,56600 %	2,566% x Gxd	140.674.715	14.067.472	154.742.187
4.14	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu mua sắm thiết bị	Gtv14	0,30200 %	0,302% x Gtb	19.980.773	1.998.077	21.978.850
4.15	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	Gtv15	0,80300 %	0,803% x Gtb	53.127.685	5.312.769	58.440.454
5	Chi phí khác	Gk		Gk1 : Gk4	138.177.455	13.817.745	151.995.200
5.1	Phí thẩm định dự toán xây dựng (Thông tư 27/2023/TT-BTC)	Gk1	0,12200 %	0,122% x Gxd	6.688.354	668.835	7.357.189
5.2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	Gk2	0,37784 %	TMDT* $\text{hệ số}^*70\%$	38.700.861	3.870.086	42.570.947
5.3	Chi phí kiểm toán độc lập	Gk3	0,62242 %	TMDT* $\text{hệ số}^*70\%$	63.752.063	6.375.206	70.127.269
5.4	Phí bảo hiểm công trình (Phụ lục III - Nghị định 67/2023/NĐ-CP)	Gk4	0,24000 %	0,24% x (Gxd+Gtb)	29.036.177	2.903.618	31.939.795
6	Chi phí dự phòng	Gdp		Gdp1	332.554.813	33.255.481	365.810.294
6.1	Chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	Gdp1	2,50000 %	2,5% x (Gcp _{xd} +Gtb+Gql _{da} +Gtv+Gk)	332.554.813	33.255.481	365.810.294
	TỔNG CỘNG				13.636.971.755	1.361.250.306	14.998.222.061
	LÀM TRÒN	Gtmdt					14.998.223.000

Bảng chữ: Mười bốn tỷ, chín trăm chín mươi tám triệu, hai trăm hai mươi ba ngàn đồng chẵn./.

Nha Trang, ngày 17 tháng 3 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của
Dự án "Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp và chăn nuôi Khatoco –
Ninh Ích, quy mô 35,58 ha" tại xã Ninh Ích, huyện Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HOÀ

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 80/2006/NĐ-CP;

Căn cứ thông tư số 05/2008/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá tác động môi trường chiến lược đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp và chăn nuôi Khatoco – Ninh Ích, quy mô 35,58 ha" tại xã Ninh Ích, huyện Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa họp ngày 19 tháng 8 năm 2009 tại Sở Tài nguyên và Môi trường Khánh Hòa;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp và chăn nuôi Khatoco – Ninh Ích, quy mô 35,58 ha tại xã Ninh Ích, huyện Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa đã được chỉnh sửa, bổ sung;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp và chăn nuôi Khatoco – Ninh Ích, quy mô 35,58 ha" tại xã Ninh Ích, huyện Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa (sau đây gọi là Chủ dự án).

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

2.1. Chủ dự án phải có văn bản báo cáo UBND huyện Ninh Hòa về nội dung và Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường kèm theo bản sao quyết định phê duyệt. Phải niêm yết công khai tại địa điểm thực hiện dự án bản tóm tắt báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

2.2. Lập kế hoạch chi tiết việc thi công từng giai đoạn của dự án; phương án thi công; mật độ ra vào của các loại xe chở đất đá, nguyên vật liệu xây dựng;... trình UBND huyện Ninh Hòa, UBND xã Ninh Ích để biết kiểm tra, giám sát.

2.3. Trong quá trình thi công, Chủ dự án phải thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường, giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường không khí, đất và nước khu vực dự án và khu vực xung quanh. Việc thu gom và xử lý chất thải rắn phải thực hiện đúng quy định, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường. Thực hiện việc giám sát, quan trắc môi trường trong quá trình thi công theo đúng yêu cầu đặt ra trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

2.4. Trong quá trình triển khai các hoạt động thi công và vận hành thử nghiệm dự án nếu xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường hoặc sự cố môi trường thì phải dừng ngay, lập phương án khắc phục và báo cáo phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Ninh Hòa, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa để giải quyết.

2.5. Phải xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung cho dự án, nước thải sau xử lý phải đạt quy chuẩn QCVN 24:2009/BTNMT(cột A) trước khi dẫn ra hồ điều hòa rồi xả ra mương thủy lợi. Đối với trại chăn nuôi cá sấu nước thải phải được xử lý riêng đạt QCVN 24:2009/BTNMT (cột A) trước khi xả ra mương thủy lợi hoặc tận dụng tưới cây. Đối với nhà máy thuộc da, nước thải cũng phải được xử lý riêng đạt QCVN 24:2009/BTNMT (cột A), sau đó phải được nhập chung vào công đoạn cuối của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2.6. Chất lượng không khí đạt Quy chuẩn QCVN 05:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về không khí xung quanh và Quy chuẩn QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh. Độ ồn không vượt qua tiêu chuẩn TCVN 5949:1998.

2.7. Thu gom, phân loại và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đúng theo quy định tại Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn. Đối với chất thải nguy hại thu gom, phân loại và xử lý theo đúng Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT ngày 26/12/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn điều kiện hành nghề và thủ tục lập hồ sơ, đăng ký, cấp phép hành nghề, mã số quản lý chất thải nguy hại; Quyết định số 23/2006/QĐ-BTNMT ngày 26/12/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành danh mục chất thải nguy hại.

2.8. Xây dựng phương án đề phòng, ứng cứu các sự cố có thể xảy ra khi triển khai dự án theo hồ sơ đã cam kết.

2.9. Thực hiện Chương trình giám sát môi trường đúng như trong Chương 5 (Mục 5.2. Chương trình giám sát môi trường) trong báo cáo đánh giá tác động môi

trường, cập nhật, lưu giữ số liệu và định kỳ báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

Điều 3. Chủ dự án phải tuân thủ nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu của Quyết định này theo quy định tại Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư 05/2008/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường.

Điều 4. Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 và Điều 3 của Quyết định này là cơ sở để cho các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm soát việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường Dự án.

Điều 5. Trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, nếu có những thay đổi về nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi đó sau khi có sự chấp thuận của UBND tỉnh.

Điều 6. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu nêu tại Điều 2 của Quyết định này.

Điều 7. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. /

Nơi nhận:

- Chủ Dự án;
- Sở TN & MT; KH & ĐT; XD;
- UBND huyện Ninh Hòa;
- TT Tỉnh ủy (để báo cáo);
- TT HĐND tỉnh (để báo cáo);
- UB MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Lưu VP+HR



Nguyễn Chiến Thắng